

# TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUAN HỆ GIAI CẤP - DÂN TỘC TRONG CÁCH MẠNG VIỆT NAM: BÀI HỌC LỊCH SỬ VÀ TÍNH ĐƯƠNG ĐẠI

Thuận Thành •

## 1. Trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc

### 1. Chân lý là cụ thể

Thời gian hai năm 1923-1924, Nguyễn Ái Quốc nghiên cứu lý luận tại Đại học Phương đông Maxkva. Tại đây ông được tiếp nhận nguyên lý đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác. Theo nguyên lý này, đấu tranh giai cấp là động lực cơ bản phát triển các xã hội có giai cấp đối kháng. Từ rất sớm, Nguyễn Ái Quốc đã biết tiếp thu kiến thức theo một phương pháp khoa học. Chính ông đã nói rõ phương pháp đó như sau: “Phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng. Đọc tài liệu thì phải đào sâu hiểu kỹ, không tin một cách mù quáng từng câu một trong sách, có vấn đề chưa thông suốt thì mạnh dạn đề ra và thảo luận cho vỡ lẽ. Đối với bất cứ vấn đề gì đều phải đặt câu hỏi “Vì sao?”, đều phải suy nghĩ kỹ càng xem có hợp với thực tế không, có thật đúng lý không, tuyệt đối không nên nhắm mắt tuân theo sách vở một cách xuôi chiều. Học để mà làm, lý luận đi đôi với thực tiễn”. Theo phương pháp tư duy này, Nguyễn Ái Quốc đặt câu hỏi: Luận điểm của Mác về đấu tranh giai cấp có đúng với xã hội phương Đông không, nhất là với Đông Dương. Phân tích kết cấu kinh tế-xã hội của xã hội Ấn Độ, Trung Quốc, Đông Dương, ông nhận thấy ở phương Đông, mức độ phân hóa giai cấp, và do đó, mức độ xung đột về quyền lợi giữa

các giai cấp “được giảm thiểu”. Ông đi tới kết luận thứ nhất: Cuộc đấu tranh giai cấp ở đây không diễn ra giống như ở phương Tây. Như vậy, từ một phương pháp tư duy sáng suốt, Nguyễn Ái Quốc đã đi tới một kết luận khoa học, có tầm quan trọng đặc biệt đối với đường lối giải phóng dân tộc của cách mạng Việt Nam sau này.

Nguyễn Ái Quốc đặt câu hỏi: Nếu đấu tranh giai cấp không phải là động lực cơ bản giúp giải phóng Việt Nam khỏi ách xâm lược của thực dân Pháp, thì cái gì mới là động lực cơ bản. Tổng hợp lịch sử các cuộc đấu tranh chống Pháp của dân tộc Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc đánh giá chính chủ nghĩa dân tộc mới là động lực cơ bản thúc đẩy mọi tầng lớp nhân dân đứng lên chống Pháp xâm lược. Ông viết: “Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người Culi biết phản đối, nó làm cho những người “nhà quê” phản đối ngầm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc. Nó đã thúc giục thanh niên bãi khóa, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917”. Từ sự thực lịch sử, Nguyễn Ái Quốc đưa ra kết luận thứ hai: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực vĩ đại và duy nhất” để đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược. Kết luận trên

\* Khoa Triết học và Khoa học xã hội,  
Trường ĐH KD&CN Hà Nội.

đây là kết quả của tư duy độc lập sáng tạo, lấy thực tiễn làm tiêu chuẩn chân lý, không tin một cách mù quáng từng câu một trong sách, không học sách vờ Mác, mà học tinh thần Mác để vận dụng vào xã hội Việt Nam.

Hai kết luận này đi ngược lại xu hướng tả khuynh (xu hướng đề cao cực đoan đấu tranh giai cấp) đang chi phối Quốc tế thứ ba và nhiều Đảng Cộng sản trong phong trào cộng sản quốc tế. Điều này làm nổi bật phẩm chất tư duy độc lập và dũng cảm của Nguyễn Ái Quốc trong nhận thức mối quan hệ giai cấp - dân tộc ở Việt Nam.

## **2. Cách mạng là sáng tạo**

Sáu năm sau, tức là vào năm 1930, tại Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng nhận thức của mình về mối quan hệ này để xây dựng Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cương lĩnh xác định: Xã hội Việt Nam là một xã hội thuộc địa - nửa phong kiến, mâu thuẫn gay gắt nhất cần phải giải quyết là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược. Do đó, chống đế quốc và chống phong kiến là hai nhiệm vụ cơ bản để giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày. Trong đó chống đế quốc giành độc lập cho dân tộc được đặt ở vị trí hàng đầu, tức là đặt nhiệm vụ phản đế cao hơn nhiệm vụ phản phong kiến.

Về lực lượng làm cách mạng giải phóng dân tộc, Sách lược vắn tắt (cũng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo) ghi rõ: Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh đổ bọn địa chủ và phong kiến. Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh Niên, Tân Việt,... để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú

nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, làm cho họ đứng trung lập. Như vậy, cùng với chủ trương đưa nhiệm vụ phản đế lên vị trí hàng đầu. Nguyễn Ái Quốc cũng đặt động lực đại đoàn kết dân tộc lên trước động lực đấu tranh giai cấp trong cách mạng Việt Nam. Kết luận này là kết luận sáng tạo thứ ba không có trong học thuyết đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác, hay nói rõ hơn, kết luận này là kết quả của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác trong điều kiện xã hội Việt Nam thuộc địa, nửa phong kiến.

Tóm lại, khi nhận thức mối quan hệ giai cấp - dân tộc ở Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện nguyên tắc nhận thức “chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo”.

## **3. Tư tưởng tả khuynh trong Đảng Cộng sản Đông Dương thời kỳ 1930-1941 chống lại tư tưởng Nguyễn Ái Quốc**

Chỉ tám tháng sau, Luận cương chính trị tháng 10/1930 do Trần Phú soạn thảo đã phê phán gay gắt Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo là chỉ lo đến việc phản đế mà quên mất lợi ích của giai cấp đấu tranh – coi đó là một sai lầm rất nguy hiểm. Luận cương tháng mười không nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất, coi vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền. Nguyên nhân những sai lầm của Luận cương Tháng mười là do nhận thức chưa đầy đủ về thực tiễn cách mạng thuộc địa và chịu ảnh hưởng của tư tưởng tả khuynh đang tồn tại trong phong trào cộng sản lúc đó.

Từ nhận định đó, Luận cương Tháng mười quyết định thủ tiêu Cương lĩnh chính trị đầu tiên. Sai lầm tả khuynh của Luận cương Tháng mười còn tiếp tục kéo dài trong nhiều năm sau.

Tháng 3/1935, Đại hội Đảng lần thứ nhất vẫn cho rằng: “Cách mạng sẽ chỉ thắng lợi với điều kiện hai cuộc cách mạng phản đế và điền địa gắn bó chặt chẽ với nhau và cùng đi với nhau”. Tức là, Đại hội vẫn chưa đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên vị trí hàng đầu.

Tại Hội nghị Trung ương III (tháng 3/1937) và IV (tháng 9/1937), Đảng đặt vấn đề nhận thức lại mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ phản đế và điền địa. Chỉ thị của Trung ương (tháng 7/1936) chỉ rõ: “Ở một xứ thuộc địa như Đông Dương, trong hoàn cảnh hiện tại, nếu chỉ quan tâm đến sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp sẽ có thể nảy sinh những khó khăn để mở rộng phong trào giải phóng dân tộc. Cuộc dân tộc giải phóng không nhất thiết phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nếu phát triển cuộc tranh đấu chia đất mà ngăn trở cuộc đấu tranh phản đế thì phải chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết”. Với nhận thức trên, Trung ương Đảng đã bước đầu khắc phục những hạn chế trong Luận cương Tháng mười năm 1930 tiến gần đến tinh thần của lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên.

Hội nghị Trung ương tháng 11/1939, khi phân tích tình hình mới, đã nhận định, đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc là tối cao, tất cả mọi vấn đề của cách mạng, kể cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào mục đích ấy mà giải quyết. Khẩu hiệu cách mạng ruộng đất phải tạm gác. Đây lại là bước tiến nữa rất gần tới Cương lĩnh chính trị đầu tiên. Tuy nhiên, Hội nghị Trung ương họp tháng 11 năm 1940 lại cho rằng cách mạng phản đế và cách mạng thổ địa phải đồng thời tiến hành, không thể cái làm trước cái làm sau. Nếu không làm được

cách mạng thổ địa thì cách mạng phản đế khó thành công. Bước lùi này chứng tỏ trong Trung ương Đảng vẫn chưa thật dứt khoát với chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Tư tưởng tả khuynh vẫn chưa bị đẩy lùi hoàn toàn.

Sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, tháng 1/1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tháng 5/1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị Trung ương VIII, quyết định nhiều vấn đề quan trọng của cách mạng Việt Nam. Trong đó quyết định chưa chủ trương giải quyết cả hai vấn đề phản đế và điền địa, mà chỉ giải quyết một vấn đề cần kíp nhất là giải phóng dân tộc, tạm gác khẩu hiệu đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày. Hội nghị khẳng định: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp, đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, nếu không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia, dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi được. Đó là nhiệm vụ của Đảng ta trong vấn đề dân tộc”.

Hội nghị kêu gọi phải thay đổi chiến thuật vận động cách mạng. Chiến thuật vận động hiện tại phải làm sao đánh thức tinh thần dân tộc xưa nay trong nhân dân. Muốn thế, Đảng phải thống nhất lực lượng cách mạng của nhân dân Đông Dương, bao gồm các tầng lớp, các giai cấp, các đảng phái, các dân tộc, các tôn giáo có tinh thần chống Pháp, chống Nhật, thành thật muốn độc lập cho đất nước, thành một mặt trận cách mạng chung. Như vậy, chiến thuật vận động mới thể hiện rõ tư tưởng Nguyễn Ái Quốc về đại đoàn kết dân tộc, không kêu gọi đấu tranh giai cấp.

Phải sau 11 năm đấu tranh nhận thức - thực tiễn quyết liệt, tư tưởng chiến lược đúng đắn của Nguyễn Ái Quốc mới được quán triệt đầy đủ trong Đảng Cộng sản Việt Nam; mới khắc phục hoàn toàn sự chi phối của tư tưởng tả khuynh do Quốc tế Cộng sản chỉ đạo. Đây là bài học lịch sử sâu sắc

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ giai cấp – dân tộc ở Việt Nam trong thời kỳ giành độc lập dân tộc thể hiện ở các luận điểm sau đây:

- Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây, trái lại ở Việt Nam, chủ nghĩa yêu nước là động lực có vai trò quyết định hơn động lực đấu tranh giai cấp;

- Quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới quyền lợi giải phóng của toàn thể dân tộc.

## **II. Trong thời kỳ xây dựng đất nước**

### **1. Không chủ trương đấu tranh giai cấp**

Bước vào thời kỳ xây dựng đất nước, Hồ Chí Minh cũng không chủ trương đấu tranh giai cấp, mà chủ trương đại đoàn kết toàn dân tộc để phát triển đất nước.

Năm 1947, khi trả lời phỏng vấn một nhà báo nước ngoài, Hồ Chí Minh nói: “Chúng tôi không chủ trương giai cấp tranh đấu vì một lẽ tầng lớp tư sản Việt Nam đã bị kinh tế thực dân đè nén không cất đầu lên được, khiến cho kinh tế Việt Nam đã bị tiêu diệt, dân cùng, tài tận. Trái lại, chúng tôi chủ trương làm cho tư bản Việt Nam phát triển. Mà chỉ có thống nhất và độc lập thì tư bản Việt Nam mới có thể phát triển. Đồng thời chúng tôi rất hoan nghênh tư bản Pháp và tư bản các nước khác thật thà cộng tác với chúng tôi. Một là để xây dựng lại Việt Nam sau lúc bị chiến tranh tàn phá, hai là để điều hòa kinh tế thế giới”.

Tư tưởng Hồ Chí Minh trong câu trả lời này là:

- Sau gần một trăm năm thuộc địa, kinh tế Việt Nam đã bị kinh tế thực dân đè nén, không cất đầu lên được, lại bị chiến tranh tàn phá nên dân cùng, tài tận;

- Lúc này phải đặt mục tiêu làm cho đất nước thoát nghèo và phát triển lên hàng đầu, lên trên mục tiêu đấu tranh giai cấp;

- Muốn đất nước thoát nghèo và phát triển thì không thể dựa vào động lực đấu tranh giai cấp, mà phải phát huy lực lượng sản xuất của toàn dân tộc, đồng thời thu hút được nguồn lực quốc tế. Đối nội thực thi chính sách dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc. Đối ngoại thực thi chính sách thân thiện với tất cả các nước, không gây oán thù với nước nào.

Không dựa vào động lực đấu tranh giai cấp thì dựa vào động lực nào? Lòng yêu nước của toàn thể dân tộc Việt Nam sẽ là động lực quyết định cho việc phát triển đất nước. Ngay từ năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã nhận ra và đánh giá cao động lực này trong đấu tranh giành độc lập dân tộc. Nay phải khơi dậy truyền thống yêu nước để làm động lực phát triển đất nước.

Hồ Chí Minh đã nói rõ nhận thức này như sau: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Đồng bào ta ngày nay, cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ những cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận đến những công chức ở hậu phương; từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho

chính phủ,... Những cử chỉ cao quý đó tuy khác nhau nơi việc làm nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.

Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bồn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến”.

## **2. Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công.**

Theo Hồ Chí Minh, tinh thần yêu nước là cơ sở để thực hành chủ trương đoàn kết toàn dân tộc. Hồ Chí Minh viết: “Tôi khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn, dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Ta phải nhận rằng, đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc, ta phải lấy tinh thần ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc sẽ vẻ vang”.

Tháng 1/1955, sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, tại hội nghị Mặt trận Liên Việt toàn quốc, Hồ Chí Minh giải thích rõ các tính chất của đại đoàn kết toàn dân tộc là đoàn kết rộng rãi, đoàn kết lâu dài.

### *a) Thế nào là đoàn kết rộng rãi?*

“Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân là công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền

vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác. Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”.

Chủ trương đoàn kết rộng rãi được thể hiện sinh động trong đời sống xã hội.

- *Giàu, nghèo cùng đoàn kết phụng sự tổ quốc.*

Trong Thư gửi đồng bào toàn quốc nhân dịp Tuần lễ Vàng vào tháng 9 năm 1945, Hồ Chí Minh đã phân tích ý nghĩa chính trị của chủ trương đoàn kết *giàu - nghèo cùng phụng sự Tổ quốc*: “Muốn củng cố nền tự do độc lập, chúng ta cần sức hy sinh phấn đấu của toàn quốc đồng bào, nhưng chúng ta cũng rất cần sức quyên giúp của nhân dân, nhất là những nhà giàu có. Ý nghĩa Tuần lễ Vàng là ở chỗ đó. Tuần lễ Vàng sẽ thu góp số vàng trong nhân dân, nhất là của những nhà giàu có để dùng vào việc cần thiết và quan trọng nhất của chúng ta lúc này, là việc quốc phòng. Tuần lễ Vàng sẽ tỏ cho toàn quốc đồng bào và cho toàn thế giới biết rằng, trong lúc chiến sĩ Việt Minh trên các mặt trận quyết hy sinh giọt máu cuối cùng để giữ vững nền tự do độc lập của nước nhà, thì đồng bào ở hậu phương, nhất là những nhà giàu có, cũng có thể hy sinh một chút vàng để phụng sự Tổ quốc. Như thế Tuần lễ Vàng không những có ý nghĩa giúp vào nền tài chính quốc phòng, nó còn có ý nghĩa chính trị quan trọng”. Trong thư này Hồ Chí Minh đã năm lần nhắc lại “nhất là những nhà giàu có”.

- *Các giai cấp đoàn kết vì ích quốc lợi dân.*

Trong Thư gửi giới Công thương Việt Nam ngày 13/10/1945, Hồ Chí Minh đã phân tích ý nghĩa của đoàn kết giai cấp:

“Việc nước và việc nhà bao giờ cũng đi đôi với nhau. Nền kinh tế quốc dân thịnh vượng nghĩa là các sự kinh doanh của những nhà công nghiệp, thương nghiệp thịnh vượng. Vậy tôi mong giới công thương cùng đem vốn vào làm những công cuộc ích quốc lợi dân”.

- *Chủ và thợ đoàn kết chặt chẽ thì hai bên đều có lợi.*

Hồ Chí Minh chủ trương chủ - thợ hợp tác chặt chẽ, không chủ trương chủ - thợ đấu tranh một mất một còn. Hồ Chí Minh viết: “Trong một xưởng máy, một bên là chủ, một bên là thợ. Từ trước đến nay chủ bao giờ cũng muốn mình lời nhiều, mà trả công ít. Thợ thì muốn làm việc ít mà được trả công nhiều. Vì thế sinh xích mích, không có lợi cho cả hai bên. Chủ và thợ hợp tác chặt chẽ thì hai bên đều có lợi. Vì hợp tác chặt chẽ mới thực hiện được tăng gia sản xuất và tăng gia sản xuất càng có kết quả thì chủ và thợ càng được lợi. Chủ và thợ đều phải nhớ rằng: Tăng gia sản xuất chẳng những lợi riêng cho chủ và thợ, mà còn lợi chung cho nền kinh tế của Tổ quốc, lợi chung cho toàn thể đồng bào”.

- *Các tôn giáo đoàn kết để giúp vào cuộc kháng chiến và kiến quốc.*

Trong Thư gửi các vị linh mục và đồng bào công giáo Việt Nam tháng 12/1945, Hồ Chí Minh viết: “Hiện nay toàn quốc đồng bào ta, công giáo và ngoại công giáo đều đoàn kết chặt chẽ nhất trí đồng tâm như con một nhà, ra sức tranh đấu để giữ gìn nền độc lập của Tổ quốc. Ngoài sa trường thì xương máu của chiến sĩ công giáo và ngoại công giáo đã xây nên một bức thành kiên cố, vĩ đại để cản lại kẻ thù chung là bọn thực dân Tây. Ở khắp nước thì đồng bào công giáo và ngoại công giáo đem cả lực lượng giúp vào cuộc kháng chiến và kiến quốc”.

- *Các dân tộc đoàn kết để giữ vững quyền tự do, độc lập.*

Trong Thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số **Miền Nam tại Pleiku tháng 4/1946**, Hồ Chí Minh viết: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Da-rai hay Ê-đê, Xê-đăng hay Ba-na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau. Trước kia chúng ta xa cách nhau, một là vì thiếu giấy liên lạc, hai là vì có kẻ xúi dục để chia rẽ chúng ta. Ngày nay nước Việt Nam là nước chung của chúng ta. Chúng ta phải thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, **phải giúp đỡ nhau để mưu hạnh phúc** chung của chúng ta và con cháu chúng ta. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt”.

b) *Thế nào là đoàn kết lâu dài?*

“Đoàn kết của ta không những rộng rãi mà còn đoàn kết lâu dài. Đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị. Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc, ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”.

Tóm lại, khi xử lý vấn đề quan hệ giai cấp - dân tộc, trong hoàn cảnh thực tiễn Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đặt lợi ích giải phóng dân tộc và phát triển đất nước lên trước lợi ích bộ phận, lợi ích giai cấp. Từ đó, Hồ Chí Minh coi đại đoàn kết dân tộc dựa trên lòng yêu nước là động lực cơ bản có ý nghĩa quyết định hơn động lực đấu tranh giai cấp. Đó là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác vào thực tiễn Việt Nam. Với cách làm này, Hồ Chí Minh đã bổ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu

mà Mác ở thời mình không thể có được. Thực tiễn cách mạng Việt Nam chứng tỏ tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ giai cấp - dân tộc là hoàn toàn đúng đắn.

### III. Trong thời kỳ đổi mới

Vào thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức khẳng định: Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tinh thần và kim chỉ nam cho hành động. Với nhận thức đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ giai cấp - dân tộc trong cách mạng Việt Nam trở thành kim chỉ nam cho chiến lược đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ mới. Chiến lược này xác định mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ công bằng văn minh.

Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, khắc phục tình trạng nước nghèo kém phát triển, thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực sai trái; đấu tranh

làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc.

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở liên minh giữa giai cấp công nhân, nông dân, trí thức và đội ngũ doanh nhân.

Đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung, tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, để tạo thành động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ giai cấp - dân tộc trong cách mạng Việt Nam từ chỗ là sáng tạo lý luận, bổ sung cơ sở lịch sử cho chủ nghĩa Mác, đã từng bước đi vào thực tiễn và trở thành ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Ngày nay tư tưởng này là đường lối chiến lược trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là tài sản vô giá Hồ Chí Minh để lại cho dân tộc ta.

Hiện nay trong cuộc chiến chống đại dịch Covid-19 để bảo vệ tính mạng toàn dân tộc, tài sản vô giá này đang được “trưng ra” khắp mọi miền Tổ quốc, khắp mọi tầng lớp dân cư, mọi lứa tuổi, mọi nghề nghiệp nhằm tới mục tiêu cấp bách: đại đoàn kết toàn dân thắng địch./.

### Tài liệu tham khảo

1. Văn kiện Đảng, toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, T. 2, tr. 2-4, tr. 110-113.
2. Văn kiện Đảng, toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, T. 7, tr. 115, 121-122.
3. Hồ Chí Minh toàn tập. Nxb Chính trị Quốc gia, T.1, tr. 464-467.
4. Hồ Chí Minh toàn tập. Nxb Chính trị Quốc gia, T. 2, tr. 4.
5. Hồ Chí Minh toàn tập. Nxb Chính trị Quốc gia, T. 4, tr. 17-18, 49, 121-122, 217, 246-247.
6. Hồ Chí Minh, toàn tập. Nxb Chính trị Quốc gia, T. 6, tr. 171-172.
7. Hồ Chí Minh, toàn tập. Nxb Chính trị Quốc gia, T. 7, tr. 418.

**Ngày nhận bài: 01/04/2020**